

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2026

CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
THỰC PHẨM
HỒNG HÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC
PHẨM HỒNG HÀ
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THỰC PHẨM HỒNG HÀ, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THỰC PHẨM HỒNG HÀ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
5500512492
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.07.30 22:44:30+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	1 – 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất quý II	3 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II	7 – 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung lần thứ 19 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	25/03/2021	30/06/2026
Lê Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	25/03/2021	30/06/2026
Hồ Công Danh	Thành viên độc lập HĐQT	15/08/2025	30/06/2026
Kunwar Pramod Singh	Thành viên HĐQT	15/08/2025	30/06/2026
Phạm Giang Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	30/06/2026	
Phạm Văn Luận	Thành viên HĐQT	15/08/2025	
Đỗ Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	30/06/2026	
Trần Thị Thu Hải	Thành viên độc lập HĐQT	30/06/2026	
Trần Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	30/06/2026	
Lê Cao Minh	Thành viên HĐQT	30/06/2026	
Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên độc lập HĐQT	06/02/2026	

Ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Giang Hoàng Vũ	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 06/02/2026
Ông Nguyễn Khánh Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2026
Bà Trần Thị Thu Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2026

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2025
Ông Phan Giang Châu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/08/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Văn Luận - Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho từng giai đoạn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý II, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý II này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý II hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý II cho Quý II năm 2026.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất quý II đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất quý II đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II cho kỳ giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



ÔNG PHẠM VĂN LUẬN
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.523.494.426	290.362.540.324
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.731.224.278	70.602.055.090
Tiền	111		1.731.224.278	30.602.055.090
Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	58.706.140.849	85.104.610.752
Chứng khoán kinh doanh	121		60.823.682.711	93.384.623.216
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.371.119.700)	(8.280.012.464)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		3.253.577.838	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.228.571.454	132.671.003.215
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	24.000.000	35.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	4.4	114.204.571.454	132.636.003.215
Tài sản ngắn hạn khác	160		3.857.557.845	1.984.871.267
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.5	6.980.067	79.904.166
Thuế GTGT được khấu trừ	162		3.850.216.566	1.904.605.889
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	4.11	361.212	361.212
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		297.251.761.865	263.635.720.326
Các khoản phải thu dài hạn	210		86.825.000.000	158.614.068.493
Phải thu dài hạn khác	215	4.4	86.825.000.000	158.614.068.493
Tài sản cố định	220		64.557.486.023	35.023.389.916
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	38.424.575.608	35.023.389.916
Nguyên giá	222		48.459.152.606	51.319.404.850
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.034.576.998)	(16.296.014.934)
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	26.132.910.415	-
Nguyên giá	228		26.132.910.415	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260	4.6	124.888.936.723	68.318.936.724
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		68.318.936.723	68.318.936.724
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		33.730.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		22.840.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	270		20.980.339.119	1.679.325.193
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	4.5	20.677.787.130	1.342.954.292
Lợi thế thương mại	279	4.8	302.551.989	336.370.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		475.775.256.291	553.998.260.650

0051
CÔNG
CỔ PH
TƯ PHÁ
HỤC PH
ÔNG
PHỐ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NỢ PHẢI TRẢ	300		19.616.521.283	101.957.775.281
Nợ ngắn hạn	310		17.122.002.147	99.469.989.912
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	135.844.201	123.761.783
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	4.11	3.383.348.806	3.170.682.749
Phải trả người lao động	315		305.821.456	203.134.701
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.10	800.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	4.10	3.602.605.176	83.491.940.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	4.12	-	3.586.088.171
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		8.894.382.508	8.894.382.508
Nợ dài hạn	330		2.494.519.136	2.487.785.369
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		2.494.519.136	2.487.785.369
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.13	456.158.735.008	452.040.485.369
Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.13.1	385.673.630.000	385.673.630.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	4.13.2	385.673.630.000	385.673.630.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		39.750.000.000	39.750.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.447.191.254	4.447.191.254
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.555.213.424	11.705.867.560
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	420a		5.655.115.004	11.690.255.585
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	420b		9.900.098.420	15.611.975
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.732.700.330	10.463.796.555
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		475.775.256.291	553.998.260.650



Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU



Kế toán trưởng
PHAN GIANG CHÂU



Tổng Giám đốc
PHẠM VĂN LUẬN

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II

Quý II năm 2026

	Mã số	TM	Quý II năm 2026		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm Nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		394.635.409	27.276.268.491	394.635.409	35.940.542.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	394.635.409	27.276.268.491	394.635.409	35.940.542.983
Giá vốn hàng bán	11	5.2	962.725.000	26.514.325.574	962.725.000	33.718.390.259
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(568.089.591)	761.942.917	(568.089.591)	2.222.152.724
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.3	12.807.653.428	10.697.568.727	24.123.260.001	13.576.393.912
Chi phí tài chính	23	5.4	13.960.019.963	14.397.447.198	14.096.842.656	14.703.367.099
trong đó, chi phí đi vay	24		-	134.844.339	586.631.529	399.020.845
Chi phí bán hàng	25	5.5	212.534.425	9.413.182	219.127.357	64.793.808
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	827.149.629	1.188.288.889	1.702.899.818	2.007.211.449
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	24.678.360	-	24.678.360
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.536.300.579	(4.110.959.265)	7.536.300.579	(952.147.360)
Thu nhập khác	31	5.7	(767.006.071)	7.699.068.493	20.257.200	7.699.719.193
Chi phí khác	32	5.8	1.820.790.495	29.708	1.033.527.224	7.584.550
Lợi nhuận khác	40		(8.013.620.741)	7.699.038.785	(1.013.270.024)	7.692.134.643
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.233.376.256	3.588.079.520	6.523.030.555	6.739.987.283
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.128.791.092	3.893.263.469	2.446.310.121	4.095.033.783
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	-	1.667.827.472	-	1.667.827.472
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.951.495.013)	(1.973.011.421)	4.076.720.434	977.126.028
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.181.162.498)	(1.998.598.565)	3.759.418.035	883.070.376
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		229.667.485	25.587.144	317.302.399	94.055.652
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(82)		5	29
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU

Kế toán trưởng
PHAN GIANG CHÂU

Tổng Giám đốc
PHẠM VĂN LUẬN
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II

Quý II năm 2026

(theo phương pháp gián tiếp)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND (đã điều chỉnh)
Lợi nhuận trước thuế	01		6.219.528.118	6.739.987.283
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		665.092.764	2.573.368.815
Các khoản dự phòng	03		(8.726.756.226)	7.853.703.976
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(9.603.853.249)	(11.079.768.772)
Chi phí đi vay	06		206.793.417	399.020.845
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(11.239.195.176)	6.486.312.147
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(110.920.630.322)	(74.616.899.859)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	3.498.566.964
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			(67.448.324.184)	1.417.467.178
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(19.259.476.366)	114.953.842
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		32.560.940.505	(6.783.068.891)
Chi phí đi vay đã trả	14		(206.793.417)	(399.020.845)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(357.854.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(176.513.478.960)	(70.639.543.707)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(27.825.000.000)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.630.000.000)	(15.060.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		22.595.000.000	11.040.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(32.630.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		217.800.000.000	28.545.948.199
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.609.659.536	1.597.461.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		151.919.659.536	26.123.409.318
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	6.1	10.294.055.535	10.140.172.761
Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(13.880.143.706)	(11.664.210.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.586.088.171)	(1.524.037.875)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(28.179.907.595)	(46.040.172.264)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		29.911.131.873	80.145.704.798
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		1.731.224.278	34.105.532.534



Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU



Kế toán trưởng
PHAN GIANG CHÂU



Tổng Giám đốc
PHẠM VĂN LUẬN

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Quý II năm 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung lần thứ 19 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 08 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 385.673.630.000 VND, tương đương 38.567.363 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng số nhân viên của Công ty là 5 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;

Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong Quý II năm 2026, Công ty không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con trực tiếp được hợp nhất:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Green Energy and Enviroment (tiền thân là Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh)- Thoái vốn ngày 24/6/2026	Thanh Hoá	100%	100%	Bán buôn nông, lâm sản
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Hà Nội	98,00%	98,00%	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán lẻ thuốc và các dụng cụ y tế
Công ty Cổ phần Cường sinh Yên Châu	Sơn La	98,14%	98,14%	Sản xuất, thương mại
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng	Vĩnh Long	95%	95%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty Cổ phần Milli Land	Khánh Hòa	90%	90%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có một (01) Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh Lâm nghiệp Hà Nội	Hậu Giang	47,04%	48%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4. Quy định kế toán mới ban hành và áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 04 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho Quý II năm 2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.5. Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư là cổ phiếu được giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được xác định bằng giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và

Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào ngày cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

3.6. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

3.9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (nay là Xã Chiềng Hặc, Tỉnh Sơn La) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

3.10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

3.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán nông sản qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT.

Đối với các hoạt động khác: 10%, 8%.

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty con: Công ty Cổ phần Green Energy and Enviroment (tiền thân là Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lạc Xanh), được hưởng chính sách ưu đãi thuế áp dụng cho doanh nghiệp thành lập mới thuộc địa bàn kinh tế khó khăn theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19. Các bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền	1.731.224.278	30.602.055.090
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
Cộng	1.731.224.278	70.602.055.090

4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chứng khoán kinh doanh - giá gốc	60.823.682.711	93.384.623.216
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.371.119.700)	(8.280.012.464)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	3.253.577.838	-
Giá trị ghi sổ thuần	58.706.140.849	85.104.610.752

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	24.000.000	35.000.000
Cộng	24.000.000	35.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

4.4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn khác	114.204.571.454	132.636.003.215
Phải thu dài hạn khác	86.825.000.000	158.614.068.493
Cộng	201.029.571.454	291.250.071.708

4.5. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	6.980.067	79.904.166
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	20.677.787.130	1.342.954.292
Cộng	20.684.767.197	1.422.858.458

4.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	68.318.936.723	68.318.936.724
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33.730.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	22.840.000.000	-
Cộng	124.888.936.723	68.318.936.724

4.7. Tài sản cố định

Chỉ tiêu	TSCĐ hữu hình VND	TSCĐ vô hình VND	Tổng cộng VND
Giá trị còn lại đầu kỳ	35.023.389.916	-	35.023.389.916
Tăng/(giảm) thuần trong kỳ	3.401.185.692	26.132.910.415	29.534.096.107
Giá trị còn lại cuối kỳ	38.424.575.608	26.132.910.415	64.557.486.023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

4.8. Lợi thế thương mại

	Quý II/2026 VND	Số đầu kỳ VND
Lợi thế thương mại đầu kỳ	336.370.901	336.370.901
Phân bổ trong kỳ	(33.818.912)	-
Số dư cuối kỳ	302.551.989	336.370.901

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	135.844.201	123.761.783
Cộng	135.844.201	123.761.783

4.10. Chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	800.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.602.605.176	83.491.940.000
Cộng	4.402.605.176	83.491.940.000

4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	361.212	361.212
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.383.348.806	3.170.682.749
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.494.519.136	2.487.785.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

4.12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	VND
Số dư đầu kỳ	3.586.088.171
Tiền thu từ đi vay trong kỳ	10.294.055.535
Tiền trả nợ gốc vay trong kỳ	(13.880.143.706)
Số dư cuối kỳ	-

4.13. Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Số đầu kỳ VND	Lợi nhuận trong kỳ VND	Điều chỉnh khác VND	Số cuối kỳ VND
Vốn góp của chủ sở hữu	385.673.630.000	-	-	385.673.630.000
Vốn khác của chủ sở hữu	39.750.000.000	-	-	39.750.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.447.191.254	-	-	4.447.191.254
LNST chưa phân phối	11.705.867.560	3.759.418.035	89.927.828	15.555.213.424
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10.463.796.555	317.302.399	(48.398.624)	10.732.700.330
Cộng	452.040.485.369	4.076.720.434	41.529.205	456.158.735.008

4.13.1. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Số đầu kỳ VND	Tỷ lệ
Ông Lê Văn Đức	11.990.000.000	3,11%	11.990.000.000	3,11%
Các cổ đông khác	373.683.630.000	96,89%	373.683.630.000	96,89%
Cộng	385.673.630.000	100%	385.673.630.000	100%

4.13.2. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.567.363	38.567.363
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.567.363	38.567.363
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND/cổ phiếu	10.000 VND/cổ phiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	394.635.409	35.940.542.983
Cộng	394.635.409	35.940.542.983

5.2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Giá vốn hàng bán	962.725.000	33.718.390.259
Cộng	962.725.000	33.718.390.259

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	24.123.260.001	13.576.393.912
Cộng	24.123.260.001	13.576.393.912

5.4. Chi phí tài chính

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Chi phí lãi vay	586.631.529	399.020.845
Chi phí tài chính khác và lỗ/dự phòng đầu tư	13.510.211.127	14.304.346.254
Cộng	14.096.842.656	14.703.367.099

5.5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Chi phí bán hàng	219.127.357	64.793.808
Cộng	219.127.357	64.793.808

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.702.899.818	2.007.211.449
Cộng	1.702.899.818	2.007.211.449

5.7. Thu nhập khác

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Thu nhập khác	20.257.200	7.699.719.193
Cộng	20.257.200	7.699.719.193

5.8. Chi phí khác

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Chi phí khác	1.033.527.224	7.584.550
Cộng	1.033.527.224	7.584.550

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.446.310.121	4.095.033.783
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	1.667.827.472
Cộng	2.446.310.121	5.762.861.255

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10.294.055.535	10.140.172.761
Cộng	10.294.055.535	10.140.172.761

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, Số 226 Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Lũy kế 6T/2026 VND	Lũy kế 6T/2025 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	13.880.143.706	11.664.210.636
Cộng	13.880.143.706	11.664.210.636



Người lập biểu
PHAN GIANG CHÂU



Kế toán trưởng
PHAN GIANG CHÂU



Tổng Giám đốc
PHẠM VĂN LUẬN
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 07 năm 2026